

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 16-02-2023
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 96/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2022/QĐ-PT ngày 04/11/2022; Thông báo mở lại phiên số 14/2023/TB-PT ngày 03/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số K, xóm B, tổ dân phố TP, thị trấn ĐV, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Phạm Việt Q, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Vợ chồng ông Phạm Minh T, sinh năm 1955; bà Trần Thị Ng, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Anh V, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị Thu Ng1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Võ Thị Duy Th sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn R1, xã P, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người làm chứng:

- Ông Bùi Công Ngh, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Trịnh Phú Ngọc, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Người kháng cáo:* nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, bị đơn anh Phạm Việt Q.

(Chị N, anh Q, ông Ngh, ông T và ông Th1 có mặt tại phiên tòa; những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q xây dựng gia đình với nhau năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh Q thường xuyên say sưa rồi về nhà chửi mắng chị và có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng anh chị cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không cải thiện được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Phương N, sinh ngày 22/11/2011 và cháu Phạm Ngọc Phương U, sinh ngày 08/10/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai cháu. Chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có những tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất 2.428m² thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 278A, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất khoảng 5.000m² theo kết quả đo vẽ là 6.332m² và tài sản trên đất tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm có: 01 tivi hiệu Sam Sung; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Shasp; 01 máy cày hiệu Kubota L 2201 - 1 cầu; 01 xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 49E1 193.14.

Đối với diện tích đất 3.031m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 53, bộ bản đồ thị trấn Đ, huyện Lâm Hà trước đây chị xác định là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, nay chị xác định đây là tài sản riêng của anh Q nên chị không yêu cầu chia đôi với diện tích đất trên.

Ngoài ra vợ chồng anh chị không còn tài sản chung nào khác.

Khi ly hôn chị yêu cầu được chia diện tích đất 6.332m² và tài sản trên đất tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà và diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà cùng toàn bộ tài sản trên đất. Chị đồng ý giao các tài sản còn lại cho anh Q quản lý, sử dụng. Nếu anh Q phải thanh toán lại cho chị giá trị tài sản chênh lệch thì chị yêu cầu được nhận bằng đất. Nếu anh Q cũng yêu cầu nhận diện tích đất có nhà thì chị yêu cầu chia đôi diện tích đất có căn nhà nêu trên.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về kết quả định giá và đo vẽ thì chị đồng ý và không có ý kiến gì. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai bị đơn anh Phạm Việt Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N xây dựng gia đình với nhau năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên

sảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không lo làm ăn và thường xuyên vắng nhà. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị trầm trọng vào năm 2015 khi chị N yêu cầu anh phải cho chị đứng tên trên tài sản từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Phương N, sinh ngày 22/11/2011 và cháu Phạm Ngọc Phương U, sinh ngày 08/10/2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có những tài sản chung gồm có:

- Diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất 2.428m² thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 278A, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất khoảng 5.000m² theo kết quả đo vẽ là 6.332m² và tài sản trên đất tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm có: 01 ti vi hiệu Sam Sung; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Shasp; 01 máy cày hiệu Kubota L 2201 - 1 câu; 01 xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 49E1 193.14.

Ngoài ra vợ chồng anh chị không còn tài sản chung nào khác.

Đối với diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà và tài sản trên đất thì anh xác định chỉ có 3m chiều ngang nằm trong diện tích đất 596m² là tài sản chung của vợ chồng anh chị còn 6m chiều ngang nằm trong diện tích đất 596m² là tài sản riêng của anh. Đồng thời toàn bộ công trình được xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh.

Đối với diện tích đất 3.031m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 53, bộ bản đồ thị trấn Đ, huyện Lâm Hà là tài sản anh được tặng cho riêng vì vậy đây không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Khi ly hôn anh yêu cầu được giao diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà cùng toàn bộ tài sản trên đất cho anh quản lý, sử dụng. Đối với những tài sản còn lại anh đồng ý giao cho chị N. Về phần tài sản chênh lệch nếu có thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời anh đề nghị Tòa án chia tài sản theo công sức đóng góp của các bên.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về kết quả định giá và đo vẽ thì anh đồng ý và không có ý kiến gì. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Anh V, bà Nguyễn Thị Thu Ng1 trình bày:

Vợ chồng ông bà đang sử dụng diện tích đất 4.700m² tiếp giáp với phần cuối đất thửa số 16 của vợ chồng anh Q, chị N. Từ khi sử dụng đất vợ chồng ông bà vẫn sử dụng bình thường không có tranh chấp gì với vợ chồng anh Q, chị N. Vì vậy, vợ chồng ông bà không có ý kiến gì. Ngoài ra, vợ chồng ông bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Trần Thị Ng trình bày:

Về việc tặng cho tài sản: Diện tích đất 3.031m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 53, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 401902 và tài sản gắn liền với đất vợ chồng ông bà tặng riêng cho anh Phạm Việt Q theo hợp đồng tặng cho được công chứng số 686 ngày 18/3/2011 tại văn phòng công chứng Văn Long.

Diện tích đất 2.428m² thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 278A, xã BT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 842434 và tài sản gắn liền với đất vợ chồng ông bà tặng cho vợ chồng anh Q, chị N theo hợp đồng số 266 ngày 15/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Đức Trọng. Diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản gắn liền với đất vợ chồng ông bà tặng cho vợ chồng anh Q, chị N ngày 15/12/2017 theo hợp đồng số 265 của Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Đức Trọng. Diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CA 828553 vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Bùi Công Ngh, bà Nguyễn Thị Thanh Hương. Sau đó vợ chồng ông bà cho vợ chồng anh Q, chị N đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Ngh, bà Hương theo hợp đồng số 730 ngày 23/01/2016 của Văn phòng công chứng Lâm Hà. Vợ chồng ông bà đã tặng cho nên không có yêu cầu gì về phần tài sản này. Vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Q, chị N theo công sức đóng góp vì vợ chồng ông bà tặng cho thời gian ngắn (khoảng 8 tháng) thì chị N gửi đơn ly hôn yêu cầu phân chia tài sản.

Đối với tài sản vợ chồng ông bà tặng cho riêng anh Q thì không chia. Về khoản nợ khoảng năm 2018 anh Q có vay của vợ chồng ông bà số tiền 10.000.000đ. Nay chị N không thừa nhận thì vợ chồng ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đất của vợ chồng ông Ngh, bà Hương vợ chồng ông bà mua ngày 27/7/2010 có giấy viết tay. Ngày 11/01/2015 anh Q, chị N mua thêm 3m. Ngoài ra vợ chồng ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Duy TH trình bày:

Hiện nay bà đang sử dụng diện tích đất 8.658m² tọa lạc tại thôn R 1, xã P, huyện Lâm Hà. Giáp ranh với đất của vợ chồng anh Q, chị N. Phần diện tích đất bà đang sử dụng có nguồn gốc bà nhận chuyển nhượng của ông Ngô Duy Sơn vào năm 2019. Từ khi nhận chuyển nhượng bà đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp gì với ai. Đối với phần đất theo họa đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà thì vợ chồng anh Q, chị N có sử dụng sang một phần đất của bà, đối với phần đất này các bên không có tranh chấp nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án ly hôn của anh Q, chị N. Phần diện tích đất bà đang sử dụng bà đang làm hồ sơ đo đạc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 96/2022/HNGĐ-ST ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1/Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Việt Q được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Phương N, sinh ngày 22/11/2011 và cháu Phạm Ngọc Phương U, sinh ngày 08/10/2013 cho chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo

nguyện vọng của con. Anh Phạm Việt Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị N đối với yêu cầu chia diện tích đất 3.031m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 53, bộ bản đồ thị trấn Đ, huyện Lâm Hà.

- Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Công Ngh, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, đã được điều chỉnh sang tên anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N theo hồ sơ số 299.CN 01 và toàn bộ tài sản trên đất gồm có 01 nhà kho diện tích 18,5m²; nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh diện tích 23,5m²; nhà cũ (xây năm 2010) diện tích 45m² và nhà mới xây năm 2017 diện tích 30m²; mái che bằng khung sắt diện tích 55,5m²; hàng rào sắt diện tích 38,08m²; tường gạch xây diện tích 2.18m²; cổng nhà gồm: trụ bê tông diện tích 0,58m³; cửa sắt diện tích 9,43m³.

- Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng diện tích đất 2.180,4m² (theo kết quả đo vẽ) thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 278A, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Minh T, bà Trần Thị Ng đã được điều chỉnh sang tên cho anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Đức Trọng chứng thực số 26 quyền số 01 SCT/HĐGD ngày 15/12/2017.

- Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý sử dụng vật dụng sinh hoạt trong nhà gồm có: 01 ti vi hiệu Sam Sung; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Sharp.

- Giao cho anh Phạm Việt Q quản lý, sử dụng diện tích đất 6.332m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có diện tích đất 18m² thuộc một phần thửa số 39; diện tích đất 466m² thuộc một phần thửa số 18; diện tích đất 75m² thuộc một phần thửa số 17, phần đất còn lại chưa có số thửa) tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà và diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N.

- Giao cho anh Phạm Việt Q quản lý, sử dụng 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 49E1 193.14.

Chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Phạm Việt Q số tiền chênh lệch là 169.407.168đ.

4/ Về nợ chung:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Trần Thị Ng về việc yêu cầu vợ chồng anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N phải trả số tiền là 10.000.000đ.

5/ Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Việt Q có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 6.428.000đ chi phí tố tụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16/9/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: Diện tích 1.828,4m² thuộc thửa 338, tờ bản đồ số 17, xã BT, huyện Đức Trọng; diện tích 2.428m² thuộc thửa 590, tờ bản đồ số 287A, xã BT, huyện Đức Trọng; diện tích đất 6m ngang nằm trong diện tích 596m² thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 54, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà và tài sản trên đất gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh diện tích 23,5m², nhà cũ 45m².

Ngày 15/9/2022, bị đơn anh Phạm Việt Q kháng cáo: cho rằng anh làm nông, thu nhập không ổn định, Tòa tuyên mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/02 cháu anh không có khả năng thực hiện nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm mức cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: đề nghị xác định căn nhà cấp 4, công trình phụ (bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm) và 2/3 diện tích đất thửa 151 tờ bản đồ 54, thị trấn Đ là tài sản riêng của anh Q, yêu cầu giao toàn bộ thửa đất cùng tài sản trên đất cho anh Q sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch cho chị N; Giao cho anh Q sử dụng diện tích 2.428m², diện tích 1.828,4m² và thanh toán lại cho chị N 1/3 giá trị tài sản bằng tiền mặt; đối với diện tích 6.332m² thuộc tờ bản đồ số 10, xã P anh Q đề nghị giao cho chị N quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N và anh Q. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phân tài sản theo hướng giao cho chị N diện tích đất 6.332m² tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà vì tại giai đoạn sơ thẩm chị N yêu cầu được nhận diện tích này anh Q cũng đồng ý và diện tích đất 596m² thuộc thửa 151, giao cho anh Q sử dụng sử dụng diện tích 2.180m² các tài sản còn lại giao cho anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị N và anh Q xây dựng gia đình với nhau năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N xin ly hôn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân, nợ chung: sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Chị N và anh Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Phương N, sinh ngày 22/11/2011 và cháu Phạm Ngọc Phương U, sinh ngày 08/10/2013 cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Xét kháng cáo của anh Q về phần cấp dưỡng nuôi con. Anh Q cho rằng số tiền cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng/02 con là cao so với điều kiện kinh tế của anh. Tuy nhiên, việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ sau khi ly hôn. Các con chung đang trong độ tuổi đi học nên chi phí cho việc ăn ở, học hành của các cháu cũng phù hợp với số tiền mà chị N yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/02con là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Q về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Xét kháng cáo của chị N yêu cầu được chia đôi tài sản; anh Q cho rằng diện tích đất 6m chiều ngang và tài sản trên đất trong diện tích 596m² (9m ngang), thửa 151, tờ bản đồ số 54, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà là tài sản riêng nên không đồng ý chia cho chị N thì thấy rằng:

- Diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất chị N, anh Q thỏa thuận, giá trị tài sản có giá là 1.900.000.000đ. Thửa đất này có nguồn gốc do cha mẹ anh Q tặng cho vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của các bên, chia cho chị N 1/3, anh Q 2/3 là phù hợp. Giao cho anh Q sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị N 1/3 giá trị là 1.900.000.000đ :3 = 633.333.333đ; Phần của anh Q được chia có giá trị là (1.900.000.000đ :3) x 2 = 1.266.666.666đ.

- Diện tích đất 2.428m² thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 278A, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Theo kết quả đo vẽ thực tế là 2.180,4m² chị N, anh Q thỏa thuận, thống nhất với nhau về giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 700.000.000đ. Thửa đất này cũng có nguồn gốc do cha mẹ anh Q tặng cho vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của các bên, chia cho chị N 1/3, anh Q 2/3 và giao cho chị N được sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh Q 1/3 giá trị là 700.000.000đ :3 = 233.333.333đ là phù hợp. Phần của anh Q được chia có giá trị là (700.000.000đ :3) x 2 = 466.666.666đ.

- Diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà và tài sản trên đất có nguồn gốc là của cha mẹ anh Q là ông T, bà Ng mua của ông Ngh, bà Hương 6m ngang, sau đó xây nhà cấp 4 và công trình phụ là bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm, tài sản này hình thành trước khi anh Q, chị N kết hôn với nhau. Năm 2010 anh Q, chị N kết hôn với nhau thì chung sống trên căn nhà này. Đến năm 2015 vợ chồng anh Q, chị N mua thêm 3m ngang và xây thêm phòng khách, trụ cổng, hàng rào, mái che. Xây dựng xong công trình trên thì ngày 25-02-2016 vợ chồng ông Ngh, bà Hương làm thủ tục sang tên cả lô đất (9m ngang) cho anh Q, chị N. Do đó, xét công sức đóng góp về đất và tài sản trên đất thì chị N đóng góp 1,5/9 mét ngang = 16,7%, anh Q đóng góp 83,3%. Do đó, căn cứ vào công sức đóng góp như đã nêu trên thì chia cho chị N, anh Q theo tỷ lệ 2/8 là thỏa đáng. Do tài sản có nguồn gốc của gia đình anh Q, công sức đóng góp hình thành nên khối tài sản này phần nhiều là của anh Q, anh Q đã ở trong căn nhà này từ trước khi kết hôn với chị N cho đến nay nên giao nhà đất cho anh Q, anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị N phần giá trị chênh lệch là thỏa đáng. Tổng cộng giá trị nhà đất là 1.099.962.625đ. Anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị N 1.099.962.625đ x

20% = 219.992.525đ; Phần của anh Q được chia có giá trị là 1.099.962.625đ x 80% = 879.970.100đ.

- Diện tích đất 6.332m² tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà có giá là 379.920.000đ (trong đó diện tích đất 18m² thuộc một phần thửa số 39 có giá là 1.080.000đ; diện tích đất 466m² thuộc một phần thửa số 18 có giá là 27.960.000đ; diện tích đất 75m² thuộc một phần thửa số 17 có giá là 4.500.000đ). Giá trị cây trồng trên đất có giá là 147.900.000đ. Tổng cộng là 527.820.000đ, anh Q, chị N đều xác định tài sản này do anh chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên chia đôi. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có yêu cầu được nhận diện tích đất này, anh Q cũng đồng ý nên giao cho chị N diện tích đất này, chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh Q ½ giá trị là 527.820.000đ : 2 = 263.910.000đ. Phần của anh Q được chia có giá trị là 263.910.000đ.

- Vật dụng sinh hoạt trong nhà gồm có: 01 ti vi hiệu Sam Sung có giá là 6.000.000đ; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo có giá là 750.000đ; 01 máy giặt hiệu Sharp có giá là 4.000.000đ (tổng cộng là 10.750.000đ). Hiện nay anh Q đang sử dụng 01 xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 49E1 193.14 có giá là 11.000.000đ. Đối với chiếc máy cày hiệu Kubota L 2201 - 1 cầu trị giá 33.750.000đ hiện nay anh Q đã bán nên cần buộc anh Q phải thanh toán lại cho chị N ½ giá trị là 16.875.000đ. Tổng giá trị là 55.500.000đ. Trong đó chị N được chia ½ là 27.750.000đ, anh Q được chia ½ là 27.750.000đ. Do giao toàn bộ vật dụng sinh hoạt trong gia đình cho anh Q sử dụng nên anh Q phải thanh toán cho chị N là 27.750.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chị N, anh Q có tranh chấp và yêu cầu phân chia là 4.283.282.625đ. Anh Q được chia tính theo giá trị là 2.904.963.434đ; Chị N được chia tính theo giá trị là 1.378.319.191đ.

Chị N được nhận tài sản bằng hiện vật có giá trị là: 527.820.000đ (6.332m² đất ở P) + 700.000.000đ (2.180,4m² thửa 590) = 1.227.820.000đ. Chênh lệch giá trị tài sản anh Q phải thanh toán cho chị N số tiền là 1.378.319.191đ - 1.227.820.000đ = 150.499.191.

Đối với diện tích đất 3.031m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 53, bộ bản đồ thị trấn Đ, huyện Lâm Hà chị N xác định đây là tài sản riêng của anh Q nên chị N xin rút yêu cầu không chia đối với diện tích đất này. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết nên không đề cập.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị N về phần tài sản chung. Không chấp nhận kháng cáo của anh Q về phần cấp

dưỡng nuôi con, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Q về phần tài sản chung, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí cho việc xác minh đo vẽ, định giá tài sản là 12.856.000đ, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, chị N nộp tạm ứng và đã quyết toán xong nên buộc anh Q phải thanh toán lại cho chị N số tiền 6.428.000đ.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là $36.000.000đ + (1.378.319.191đ - 800.000.000đ) \times 3\% = 53.349.576đ$. Anh Q không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Buộc anh Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là $72.000.000đ + (2.904.963.434đ - 2.000.000.000đ) \times 2\% = 90.099.628đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của chị N về phần tài sản chung. Không chấp nhận kháng cáo của anh Q về mức cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Q về phần tài sản, sửa án theo hướng đã nhận định.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, về nợ chung: sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Phương N, sinh ngày 22/11/2011 và cháu Phạm Ngọc Phương U, sinh ngày 08/10/2013 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Buộc anh Phạm Việt Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị N đối với yêu cầu chia diện tích đất 3.031m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 53, bộ bản đồ thị trấn Đ, huyện Lâm Hà.

- Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng diện tích đất 2.180,4m² (theo kết quả đo vẽ) thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 278A, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Minh T, bà Trần Thị Ng đã được điều chỉnh sang tên cho anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Đức Trọng chứng thực số 26 quyền số 01 SCT/HĐGD ngày 15/12/2017.

- Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng diện tích đất 6.332m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có diện tích đất 18m² thuộc một phần thửa số 39; diện tích đất 466m² thuộc một phần thửa số 18; diện tích đất 75m² thuộc một phần thửa số 17, phần đất còn lại chưa có số thửa) tọa lạc tại thôn R, xã P, huyện Lâm Hà.

- Giao cho anh Phạm Việt Q quản lý, sử dụng diện tích đất 596m² thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 54, bộ bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Công Ngh, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, đã được điều chỉnh sang tên anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N theo hồ sơ số 299.CN 01 và toàn bộ tài sản trên đất gồm có 01 nhà kho diện tích 18,5m²; nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh diện tích 23,5m²; nhà cũ (xây năm 2010) diện tích 45m² và nhà mới xây năm 2017 diện tích 30m²; mái che bằng khung sắt diện tích 55,5m²; hàng rào sắt diện tích 38,08m²; tường gạch xây diện tích 2.18m²; cổng nhà gồm: trụ bê tông diện tích 0,58m³; cửa sắt diện tích 9,43m³.

- Giao cho anh Phạm Việt Q quản lý sử dụng diện tích đất 1.828,4m² thuộc thửa số 388, tờ bản đồ số 17, bộ bản đồ địa chính xã BT, huyện Đức Trọng. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Phạm Việt Q, chị Nguyễn Thị N.

Phần diện tích đất được giao cho các bên đương sự có trích lục họa đồ lô đất kèm theo.

Các bên đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho anh Phạm Việt Q quản lý sử dụng vật dụng sinh hoạt trong nhà gồm có: 01 ti vi hiệu Sam Sung; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Sharp.

- Giao cho anh Phạm Việt Q quản lý, sử dụng 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 49E1 193.14.

Anh Phạm Việt Q có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền chênh lệch là 150.499.191đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Việt Q có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 6.428.000đ.

6/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, 300.000đ án phí hôn nhân phúc thẩm và 53.349.576đ án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền 5.050.000đ tạm ứng án phí đã theo Biên lai thu số AA/2016/007787 ngày 14/10/2020 và 300.000đ theo biên lai thu số 0003496 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị N còn phải nộp số tiền 48.599.576đ.

Anh Phạm Việt Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 90.099.628đ án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền 300.00đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003488 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Anh Q còn phải nộp số tiền 90.099.628đ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt